

QUYẾT ĐỊNH

**Về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác
công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh
nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng
01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của
Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn
2021-2030; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị
quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 của
các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh
tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021
của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân*

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2527/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 và năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 và năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các dự án được áp dụng theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một dự án cụ thể được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 12/TTr-BDT ngày 28/02/2023; đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 19/TTr-SKH ngày 28/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, năm 2023 (sau đây viết tắt là Chương trình) với nội dung như sau:

1. Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023

Tổng số vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2023: 495.500 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách trung ương: 455.995 triệu đồng

b) Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 39.505 triệu đồng. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động cân đối, bố trí vốn đối ứng các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 từ nguồn vốn phân cấp cho cấp huyện quản lý tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Tuyên Quang.

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023

2.1. Tổng số: 495.500 triệu đồng, trong đó:

- a) Vốn ngân sách trung ương: 455.995 triệu đồng.
- b) Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 39.505 triệu đồng.

2.2. Phân bổ cho các dự án thành phần

a) Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 56.741 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương 49.867 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách địa phương: 6.874 triệu đồng).

b) Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 4.355 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương).

c) Dự án 3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 13.156 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương: 8.286 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách địa phương: 4.870 triệu đồng).

d) Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: 300.185 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương: 286.553 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách địa phương: 13.632 triệu đồng).

e) Dự án 5. Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 82.139 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương: 68.010 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách địa phương: 14.129 triệu đồng).

f) Dự án 6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 13.740 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương).

g) Dự án 9. Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù: 17.541 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương)

h) Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 7.643 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương).

2.3. Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị

a) Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh: 74.982 triệu đồng; trong đó:

- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: 7.765 triệu đồng.
- Ban Dân tộc: 2.522,5 triệu đồng.
- Sở Thông tin và Truyền thông: 3.591,5 triệu đồng.
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh: 1.529 triệu đồng.

- Trường Đại học Tân Trào: 59.574 triệu đồng.
- b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: 420.518 triệu đồng; trong đó:
 - Huyện Lâm Bình: 59.619 triệu đồng.
 - Huyện Na Hang: 80.612 triệu đồng.
 - Huyện Chiêm Hóa: 80.338,5 triệu đồng.
 - Huyện Hàm Yên: 62.584 triệu đồng.
 - Huyện Yên Sơn: 76.552,5 triệu đồng.
 - Huyện Sơn Dương: 56.849 triệu đồng.
 - Thành phố Tuyên Quang: 3.963 triệu đồng

(Chi tiết có các biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn chương trình được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và đơn vị được giao làm chủ đầu tư thực hiện Quyết định này bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (thi hành)
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

